Bài 1. Chu kỳ của hàm số là: A. B. C. D.

Bài 2. Tập giá trị của hàm số là: A. B. C. D.

Bài 3. Tập xác định của hàm số là: A. B. C. D.

Bài 4. Giá trị của bằng: A. B. C. D.

Bài 5. Giá trị của bằng: A. B. C. D.

Bài 6. Giá trị của bằng: A. B. C. D.

Bài 7. Nghiệm của phương trình là: A. B. C. D.

Bài 8. Nghiệm của phương trình là: A. B. C. D.

Bài 9. Nghiệm của phương trình là: A. B. C. D.

Bài 10. Hàm số là: A. Hàm chẵn B. Hàm lẻ C. Không chẵn không lẻ D. Vừa chẵn vừa lẻ

Bài 11. Hàm số là: A. Hàm chẵn B. Hàm lẻ C. Không chẵn không lẻ D. Vừa chẵn vừa lẻ

Bài 12. Dấu của là: A. Dương B. Âm C. Bằng 0 D. Không xác định

Bài 13. Dấu của là: A. Dương B. Âm C. Bằng 0 D. Không xác định

Bài 14. Chu kỳ của hàm số là: A. B. C. D.

Bài 15. Tập xác định của hàm số là: A. B. C. D.

Bài 16. Giá trị của bằng: A. B. C. D.

Bài 17. Nghiệm của phương trình là: A. B. C. D.

Bài 18. Giá trị của bằng: A. B. C. D.

Bài 19. Hàm số là: A. Hàm chẵn B. Hàm lẻ C. Không chẵn không lẻ D. Vừa chẵn vừa lẻ

Bài 20. Nghiệm của phương trình là: A. B. C. D.

Bài 1. Hàm số có chu kỳ là bao nhiêu? A. B. C. D.

Bài 2. Tập giá trị của hàm số là: A. B. C. D.

Bài 3. Phương trình có nghiệm tổng quát là: A. hoặc B. hoặc C. hoặc D. hoặc

Bài 4. Hàm số nào sau đây là hàm số chẵn? A. B. C. D.

Bài 5. Phương trình có bao nhiêu nghiệm trong khoảng ? A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Bài 6. Tập xác định của hàm số là: A. B. C. D.

Bài 7. Phương trình có nghiệm thuộc khoảng là: A. B. C. D.

Bài 8. Hàm số đồng biến trên khoảng nào sau đây? A. B. C. D.

Bài 9. Phương trình có nghiệm tổng quát là: A. B. C. D.

Bài 10. Giá trị lớn nhất của hàm số là: A. 3 B. 1 C. 5 D. -2

Bài 11. Phương trình có nghiệm thuộc khoảng là: A. B. C. D.

Bài 12. Chu kỳ của hàm số là: A. B. C. D.

Bài 13. Phương trình có nghiệm thuộc khoảng là: A. và B. và C. và D. và

Bài 14. Hàm số có tập xác định là: A. B. C. D.

Bài 15. Phương trình có nghiệm khi và chỉ khi: A. B. C. D.

Bài 16. Giá trị nhỏ nhất của hàm số là: A. -4 B. -1 C. 3 D. 7

Bài 17. Phương trình có nghiệm tổng quát là: A. hoặc B. hoặc C. hoặc D. hoặc

Bài 18. Hàm số bằng hàm số nào sau đây? A. B. C. D.

Bài 19. Phương trình có nghiệm tổng quát là: A. B. C. D.

Bài 20. Trong khoảng , phương trình có bao nhiêu nghiệm? A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Bài 1. Hàm số có chu kì là: A. B. C. D.

Bài 2. Tập xác định của hàm số là: A. B. C. D.

Bài 3. Phương trình có nghiệm là: A. B. hoặc C. D.

Bài 4. Hàm số nào sau đây là hàm chẵn? A. B. C. D.

Bài 5. Giá trị của bằng: A. B. C. D.

Bài 6. Phương trình có nghiệm là: A. B. C. D.

Bài 7. Tập giá trị của hàm số là: A. B. C. D.

Bài 8. Phương trình có nghiệm là: A. B. C. D.

Bài 9. Hàm số có chu kì là: A. B. C. D.

Bài 10. Điều kiện để phương trình có nghiệm là: A. B. C. D.

Bài 11. Nghiệm của phương trình là: A. B. C. D.

Bài 12. Hàm số có tính chất: A. Là hàm chẵn B. Là hàm lẻ C. Không chẵn, không lẻ D. Vừa chẵn vừa lẻ

Bài 13. Biên độ của hàm số là: A. B. C. D.

Bài 14. Phương trình có nghiệm là: A. B. hoặc hoặc C. D.

Bài 15. Tập xác định của hàm số là: A. B. C. D.

Bài 16. Nghiệm của phương trình trong khoảng là: A. B. C. và D.

Bài 17. Hàm số đồng biến trên khoảng nào sau đây? A. B. C. D.

Bài 18. Giá trị lớn nhất của hàm số là: A. B. C. D.

Bài 19. Phương trình có nghiệm là: A. B. hoặc hoặc C. D.

Bài 20. Trong các hàm số sau, hàm số nào có chu kì nhỏ nhất? A. B. C. D.

Bài 1. Dãy số nào sau đây là cấp số cộng? A. B. C. D.

Bài 2. Dãy số nào sau đây là cấp số nhân? A. B. C. D.

Bài 3. Số hạng thứ 6 của cấp số cộng có và là: A. B. C. D.

Bài 4. Số hạng thứ 5 của cấp số nhân có và là: A. B. C. D.

Bài 5. Công sai của cấp số cộng là: A. B. C. D.

Bài 6. Công bội của cấp số nhân là: A. B. C. D.

Bài 7. Tổng 4 số hạng đầu của cấp số cộng có và là: A. B. C. D.

Bài 8. Tổng 3 số hạng đầu của cấp số nhân có và là: A. B. C. D.

Bài 9. Công thức số hạng tổng quát của cấp số cộng là: A. B. C. D.

Bài 10. Công thức số hạng tổng quát của cấp số nhân là: A. B. C. D.

Bài 11. Số hạng thứ 4 của cấp số cộng có và là: A. B. C. D.

Bài 12. Số hạng thứ 3 của cấp số nhân có và là: A. B. C. D.

Bài 13. Cấp số cộng có tính chất nào sau đây? A. Hiệu giữa hai số hạng liên tiếp bằng nhau B. Tỉ số giữa hai số hạng liên tiếp bằng nhau C. Tổng hai số hạng liên tiếp bằng nhau D. Tích hai số hạng liên tiếp bằng nhau

Bài 14. Cấp số nhân có tính chất nào sau đây? A. Hiệu giữa hai số hạng liên tiếp bằng nhau B. Tỉ số giữa hai số hạng liên tiếp bằng nhau C. Tổng hai số hạng liên tiếp bằng nhau D. Tích hai số hạng liên tiếp bằng nhau

Bài 15. Tổng 5 số hạng đầu của cấp số cộng có và là: A. B. C. D.

Bài 16. Tổng 4 số hạng đầu của cấp số nhân có và là: A. B. C. D.

Bài 17. Công sai của cấp số cộng là: A. B. C. D.

Bài 18. Công bội của cấp số nhân là: A. B. C. D.

Bài 19. Số hạng thứ 7 của cấp số cộng có và là: A. B. C. D.

Bài 20. Số hạng thứ 4 của cấp số nhân có và là: A. B. C. D.

Bài 1. Cho dãy số với . Dãy số này là loại nào? A. Cấp số nhân B. Cấp số cộng C. Dãy số không đều D. Dãy số hằng

Bài 2. Cho cấp số cộng có và công sai . Số hạng thứ 8 là: A. 23 B. 26 C. 29 D. 32

Bài 3. Cho cấp số nhân có và công bội . Số hạng thứ 5 là: A. 54 B. 81 C. 162 D. 243

Bài 4. Cho cấp số cộng có và . Công sai bằng: A. 2 B. 3 C. 4 D. 6

Bài 5. Ba số theo thứ tự tạo thành cấp số cộng. Giá trị của là: A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Bài 6. Tổng 10 số hạng đầu của cấp số cộng có và là: A. 100 B. 110 C. 120 D. 130

Bài 7. Cho cấp số nhân có và . Công bội bằng: A. 2 B. 3 C. 6 D. 9

Bài 8. Dãy số nào sau đây không phải là cấp số nhân? A. B. C. D.

Bài 9. Cho cấp số cộng có và . Số hạng đầu bằng: A. 1 B. 3 C. 5 D. 7

Bài 10. Tổng 6 số hạng đầu của cấp số nhân có và là: A. 120 B. 126 C. 132 D. 140

Bài 11. Cho dãy số có các số hạng đầu: . Đây là loại dãy số nào? A. Cấp số cộng B. Cấp số nhân C. Dãy số không đều D. Dãy số tăng

Bài 12. Ba số , , theo thứ tự tạo thành cấp số cộng. Giá trị là: A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Bài 13. Cho cấp số nhân có và . Số hạng bằng: A. 3 B. 6 C. 9 D. 18

Bài 14. Trong cấp số cộng , biết và . Công sai bằng: A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Bài 15. Cho cấp số nhân có số hạng đầu và công bội . Số hạng là: A. -54 B. -18 C. 18 D. 54

Bài 16. Số hạng thứ 15 của cấp số cộng có và là: A. 28 B. 30 C. 32 D. 34

Bài 17. Ba số theo thứ tự tạo thành cấp số nhân có công bội . Giá trị là: A. 20 B. 22 C. 24 D. 26

Bài 18. Cho cấp số cộng có tổng 8 số hạng đầu bằng 76 và . Công sai bằng: A. 2 B. C. 3 D.

Bài 19. Cấp số nhân nào sau đây có tổng 4 số hạng đầu bằng 40? A. B. C. D.

Bài 20. Trong cấp số cộng , nếu và , thì bằng: A. 1 B. 2 C. 3 D. 5

Bài 1. Một công ty khởi nghiệp có doanh thu tháng đầu là 30 triệu đồng. Do mở rộng thị trường, doanh thu tăng đều 5 triệu đồng mỗi tháng. Hỏi doanh thu của công ty trong tháng thứ 10 là bao nhiêu? A. 70 triệu đồng B. 75 triệu đồng C. 80 triệu đồng D. 85 triệu đồng

Bài 2. Một người gửi tiết kiệm 50 triệu đồng với lãi suất 8%/năm, lãi nhập gốc. Số tiền người đó có được sau 4 năm là: A. 60,5 triệu đồng B. 62,99 triệu đồng C. 65,2 triệu đồng D. 68,0 triệu đồng

Bài 3. Một vi khuẩn ban đầu có 1000 con, cứ sau 1 giờ số lượng tăng gấp đôi. Sau 6 giờ, số lượng vi khuẩn là: A. 32000 con B. 64000 con C. 128000 con D. 48000 con

Bài 4. Một vận động viên chạy bộ tuần đầu chạy 10km, mỗi tuần sau chạy thêm 2km so với tuần trước. Tổng quãng đường anh ta chạy trong 8 tuần đầu là: A. 128 km B. 136 km C. 144 km D. 152 km

Bài 5. Dân số một thành phố năm 2020 là 500.000 người và tăng 2% mỗi năm. Dân số thành phố đó vào năm 2025 là: A. 550000 người B. 552040 người C. 555000 người D. 560000 người

Bài 6. Một học sinh lập kế hoạch đọc sách: tuần đầu đọc 50 trang, mỗi tuần sau đọc nhiều hơn tuần trước 10 trang. Số trang sách học sinh đó đọc ở tuần thứ 6 là: A. 90 trang B. 100 trang C. 110 trang D. 120 trang

Bài 7. Một máy móc có giá trị ban đầu 200 triệu đồng, mỗi năm giảm giá 15% so với năm trước. Giá trị máy móc sau 3 năm là: A. 120,5 triệu đồng B. 122,83 triệu đồng C. 125,2 triệu đồng D. 130,0 triệu đồng

Bài 8. Một nhân viên có lương tháng đầu là 15 triệu đồng, cứ 6 tháng tăng lương 1 triệu đồng. Tổng lương nhân viên nhận được trong 2 năm đầu là: A. 384 triệu đồng B. 396 triệu đồng C. 408 triệu đồng D. 420 triệu đồng

Bài 9. Cho cấp số cộng có và . Tổng 10 số hạng đầu của cấp số cộng này là: A. 200 B. 210 C. 215 D. 225

Bài 10. Một cửa hàng bán kẹo có doanh thu ngày đầu là 2 triệu đồng. Biết rằng doanh thu mỗi ngày tăng 10% so với ngày trước đó. Doanh thu của ngày thứ 5 là: A. 2,84 triệu đồng B. 2,93 triệu đồng C. 3,02 triệu đồng D. 3,15 triệu đồng

Bài 11. Một bình chứa 1000 lít nước. Mỗi ngày lượng nước bay hơi bằng 5% lượng nước còn lại. Sau 4 ngày, lượng nước còn lại trong bình là: A. 800 lít B. 814,5 lít C. 825 lít D. 835 lít

Bài 12. Một người làm việc có kế hoạch tăng năng suất: tháng đầu sản xuất 100 sản phẩm, mỗi tháng sau tăng thêm 8 sản phẩm. Tổng số sản phẩm anh ta làm được trong 6 tháng đầu là: A. 680 sản phẩm B. 700 sản phẩm C. 720 sản phẩm D. 740 sản phẩm

Bài 13. Cho cấp số nhân có và . Số hạng đầu của cấp số nhân này là: A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Bài 14. Một xí nghiệp sản xuất năm đầu được 5000 sản phẩm. Kế hoạch mỗi năm sau tăng 20% so với năm trước. Tổng số sản phẩm trong 4 năm đầu là: A. 25000 sản phẩm B. 26880 sản phẩm C. 28000 sản phẩm D. 30000 sản phẩm

Bài 15. Một thang máy bắt đầu từ tầng trệt, lần thứ nhất lên 3 tầng, mỗi lần sau lên nhiều hơn lần trước 2 tầng. Sau 5 lần, thang máy ở tầng thứ: A. 30 B. 32 C. 35 D. 38

Bài 16. Một khu rừng có 10000 cây. Do chính sách trồng rừng, mỗi năm số cây tăng thêm 500 cây. Sau bao nhiêu năm số cây trong rừng đạt 17500 cây? A. 14 năm B. 15 năm C. 16 năm D. 17 năm

Bài 17. Một chất phóng xạ có khối lượng ban đầu 800g, cứ sau 1 năm khối lượng giảm đi 25%. Khối lượng chất phóng xạ còn lại sau 3 năm là: A. 325g B. 337,5g C. 350g D. 360g

Bài 18. Cho hàm số . Xét dãy số với . Tổng bằng: A. 130 B. 140 C. 150 D. 160

Bài 19. Một sinh viên gửi tiết kiệm 10 triệu đồng với lãi suất 6%/năm, lãi nhập gốc. Cuối mỗi năm sinh viên rút 1 triệu đồng. Số tiền còn lại sau 2 năm là: A. 9,05 triệu đồng B. 9,18 triệu đồng C. 9,25 triệu đồng D. 9,35 triệu đồng

Bài 20. Cho cấp số cộng có và . Công sai của cấp số cộng là: A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Bài 1. Số trung bình cộng của mẫu số liệu ghép nhóm được tính theo công thức nào? A. B. C. D.

Bài 2. Trong mẫu số liệu ghép nhóm, giá trị đại diện của nhóm là bao nhiêu? A. B. C. D.

Bài 3. Trung vị của mẫu số liệu ghép nhóm là giá trị chia mẫu số liệu thành: A. Ba phần bằng nhau B. Hai phần bằng nhau C. Bốn phần bằng nhau D. Năm phần bằng nhau

Bài 4. Mốt của mẫu số liệu ghép nhóm là: A. Giá trị đại diện của nhóm có tần số nhỏ nhất B. Giá trị đại diện của nhóm có tần số lớn nhất C. Giá trị trung bình của tất cả các nhóm D. Giá trị lớn nhất trong mẫu số liệu

Bài 5. Cho bảng số liệu: Tổng tần số của mẫu số liệu này là:… Gợi ý: Tổng tần số bằng tổng các tần số của tất cả các nhóm.+ Phản hồi đúng: Chính xác! Tổng tần số .- Phản hồi sai: Cần cộng tất cả các tần số của các nhóm để có tổng tần số.

Bài 6. Với bảng số liệu ở câu 5, giá trị là: A. B. C. D.

Bài 7. Với bảng số liệu ở câu 5, nhóm có tần số lớn nhất là: A. B. C. D.

Bài 8. Với bảng số liệu ở câu 5, số trung bình cộng của mẫu số liệu là: A. B. C. D.

Bài 9. Tần số tích lũy của nhóm trong bảng số liệu ở câu 5 là: A. B. C. D.

Bài 10. Với bảng số liệu ở câu 5, nhóm chứa trung vị là: A. B. C. D.

Bài 11. Trong công thức tính trung vị , ký hiệu là: A. Cận dưới của nhóm chứa trung vị B. Cận trên của nhóm chứa trung vị C. Tần số của nhóm chứa trung vị D. Độ dài khoảng nhóm

Bài 12. Cho bảng số liệu: Giá trị đại diện của nhóm là:… Gợi ý: Tính trung điểm của khoảng .+ Phản hồi đúng: Đúng! Giá trị đại diện = .- Phản hồi sai: Giá trị đại diện của nhóm là .

Bài 13. Với bảng số liệu ở câu 12, tổng tần số là: A. B. C. D.

Bài 14. Với bảng số liệu ở câu 12, nhóm có tần số lớn nhất là: A. B. C. D.

Bài 15. Với bảng số liệu ở câu 12, mốt của mẫu số liệu là: A. B. C. D.

Bài 16. Trong công thức tính mốt , ký hiệu là: A. Tần số của nhóm chứa mốt B. Cận dưới của nhóm chứa mốt C. Độ dài khoảng nhóm D. Tần số tích lũy

Bài 17. Cho mẫu số liệu có , giá trị là: A. B. C. D.

Bài 18. Cho bảng số liệu: Số trung bình cộng của mẫu số liệu này là:… Gợi ý: Tính giá trị đại diện của mỗi nhóm rồi áp dụng công thức.+ Phản hồi đúng: Đúng! .- Phản hồi sai: Cần tính đúng giá trị đại diện và áp dụng công thức trung bình có trọng số.

Bài 19. Với bảng số liệu ở câu 18, tần số tích lũy của nhóm là: A. B. C. D.

Bài 20. Với bảng số liệu ở câu 18, nhóm chứa trung vị là: A. B. C. D.

Bài … Gợi ý: Sử dụng công thức với là giá trị đại diện của mỗi nhóm.b) 54.25\*c) 54.25d) 55.00

Bài … Gợi ý: Mốt thuộc nhóm có tần số lớn nhất trong bảng phân bố tần số.\*b) [6, 7)c) [7, 8)d) [8, 9)

Bài … Gợi ý: Trung vị là giá trị ở vị trí khi sắp xếp theo thứ tự. Sử dụng tần số tích lũy để xác định.\*b) [3, 4)c) [4, 5)d) [1, 2)

Bài … Gợi ý: Tính số trung bình và xác định nhóm chứa trung vị, sau đó so sánh giá trị đại diện của nhóm đó với trung bình.\*b) Trung bình < Trung vị c) Trung bình = Trung vịd) Không thể so sánh được

Bài … Gợi ý: Tìm nhóm có tần số cao nhất, sau đó lấy trung điểm của khoảng đó.b) 170.0\*c) 172.5d) 177.5

Bài … Gợi ý: Khi tất cả giá trị trong mẫu đều tăng cùng một lượng, số trung bình cũng tăng đúng bằng lượng đó.\*b) Tăng 0.5 điểmc) Tăng 1.0 điểmd) Không thay đổi

Bài … Gợi ý: Mốt là giá trị xuất hiện nhiều nhất, trong số liệu ghép nhóm thì mốt thuộc nhóm có tần số lớn nhất.b) Mốt thuộc nhóm [2, 4)\*c) Mốt thuộc nhóm [4, 6)d) Mốt thuộc nhóm [6, 8)

Bài … Gợi ý: Quan sát vị trí tương đối của các số đặc trưng để nhận biết dạng phân bố của từng lớp.\*b) Lớp A lệch trái, lớp B lệch phảic) Lớp A lệch phải, lớp B lệch tráid) Không thể xác định được

Bài … Gợi ý: Xem xét ảnh hưởng của các giá trị cao bất thường đến từng số đặc trưng và tính đại diện của chúng.\*b) Trung vịc) Mốtd) Cả ba đều như nhau

Bài … Gợi ý: Sử dụng mối quan hệ giữa trung bình, trung vị và mốt để nhận biết hình dạng phân bố.\*b) Môn Toán có nhiều bài điểm caoc) Môn Văn có phân bố đối xứngd) Hai môn có phân bố giống nhau

Bài … Gợi ý: Sử dụng điều kiện tổng tần số và công thức tính trung bình để lập phương trình tìm x.\*b) 28c) 30d) 32

Bài … Gợi ý: So sánh giá trị đại diện của nhóm bị loại với trung bình ban đầu để dự đoán sự thay đổi.\*b) Giảm xuốngc) Không thay đổid) Không xác định được

Bài … Gợi ý: Mối quan hệ giữa trung vị và trung bình cho biết hướng lệch của phân bố số liệu.\*b) Mẫu A lệch phải, mẫu B lệch tráic) Cả hai mẫu đều đối xứngd) Cả hai mẫu đều lệch phải

Bài … Gợi ý: Trung vị chia mẫu số liệu thành hai phần bằng nhau, có ý nghĩa về vị trí giữa của dữ liệu.b) Số sách trung bình bán được mỗi ngày\*c) Mức bán mà 50% số ngày đạt được hoặc vượt quad) Tổng số sách bán trong tháng

Bài … Gợi ý: Khi tất cả giá trị nhân với cùng một hệ số, các số đặc trưng cũng nhân với hệ số đó.b) Tăng thêm 1.5 triệu\*c) Nhân với 1.1d) Không thay đổi

Bài … Gợi ý: Tính số trung bình chỉ của các nhóm có điểm từ 80 trở lên, với tổng tần số mới.b) 87.5\*c) 88.33d) 90.0

Bài … Gợi ý: Tính chiều cao trung bình thực tế và so sánh với tiêu chuẩn 2.2m.\*b) Thấp hơn tiêu chuẩn 0.05mc) Bằng tiêu chuẩnd) Cao hơn tiêu chuẩn 0.05m

Bài … Gợi ý: Trung vị chia mẫu thành hai phần bằng nhau, mỗi phần có n/2 phần tử.\*b) 1:1c) 2:3d) 3:2

Bài … Gợi ý: Tính tỷ lệ số trẻ trong các nhóm có thời gian xem TV dưới 2.5 giờ so với tổng số.\*b) 45%c) 50%d) 70%

Bài … Gợi ý: Quan sát sự đối xứng trong bảng tần số và ý nghĩa của nó đối với các số đặc trưng.b) Mốt lớn hơn trung bình\*c) Trung bình = Trung vị = Mốtd) Phân bố lệch trái

Bài Nếu công ty tăng lương 15% cho tất cả nhân viên, thu nhập trung bình mới là:  
A. 18.25 triệu đồng  
B. 19.10 triệu đồng  
C. 19.55 triệu đồng  
D. 20.00 triệu đồng

Bài Nhóm chứa trung vị là:  
A. [155;160)  
B. [160;165)  
C. [160;165)  
D. [165;170)

Bài Điểm trung bình của lớp gần nhất với:  
A. 5.2  
B. 5.6  
C. 6.0  
D. 6.4

Bài Nếu thêm 30 học sinh có thời gian [30;40), thời gian trung bình mới là:  
A. 36.50 phút  
B. 37.25 phút  
C. 38.00 phút  
D. 39.15 phút

Bài Nhóm mốt của mẫu số liệu này là:  
A. [50;55)  
B. [55;60)  
C. [55;60)  
D. [60;65)

Bài Sau khi giảm 10% chi phí (tương đương tăng 10% doanh thu), doanh thu trung bình mới là:  
A. 32.50 triệu đồng  
B. 33.00 triệu đồng  
C. 33.22 triệu đồng  
D. 34.00 triệu đồng

Bài Giá trị trung vị gần nhất với:  
A. 4.20  
B. 4.50  
C. 4.67  
D. 5.00

Bài Nếu loại bỏ 10 người trẻ nhất, tuổi trung bình còn lại gần nhất với:  
A. 31.50 tuổi  
B. 32.02 tuổi  
C. 32.75 tuổi  
D. 33.20 tuổi

Bài So sánh trung bình và trung vị, nhận xét nào đúng:  
A. Trung bình < Trung vị, phân phối lệch trái  
B. Trung bình > Trung vị, phân phối lệch phải  
C. Trung bình = Trung vị, phân phối đối xứng  
D. Không thể so sánh được

Bài Nếu giá nước tăng 20%, khuyến khích tiết kiệm 15%, lượng tiêu thụ trung bình mới là:  
A. 12.50 m³  
B. 13.18 m³  
C. 14.25 m³  
D. 15.80 m³

Bài Để 60% người chơi có điểm dưới mức x, giá trị x gần nhất với:  
A. 46.50 nghìn điểm  
B. 47.80 nghìn điểm  
C. 48.57 nghìn điểm  
D. 50.00 nghìn điểm

Bài Tỷ lệ sinh viên có chi phí dưới mức trung bình là:  
A. 42.50%  
B. 45.00%  
C. 46.25%  
D. 48.75%

Bài Nếu mục tiêu là 70% người tập ít nhất x giờ/tuần, giá trị x lớn nhất là:  
A. 2.20 giờ  
B. 2.56 giờ  
C. 3.00 giờ  
D. 3.40 giờ

Bài Độ lệch giữa trung bình và trung vị gần nhất với:  
A. 5.5 khách  
B. 6.6 khách  
C. 7.8 khách  
D. 9.2 khách

Bài Nếu có hiện tượng nóng lên thêm 3°C đều, nhiệt độ trung bình mới là:  
A. 31.80°C  
B. 32.20°C  
C. 32.53°C  
D. 33.15°C

Bài Tỷ lệ người có khoảng cách trong khoảng [trung vị - 2.5; trung vị + 2.5] là:  
A. 35.50%  
B. 37.25%  
C. 38.33%  
D. 40.00%

Bài Để khuyến khích tiết kiệm, ngân hàng thưởng 10% cho tất cả. Số tiền tiết kiệm trung bình sau thưởng là:  
A. 2.35 triệu đồng  
B. 2.45 triệu đồng  
C. 2.50 triệu đồng  
D. 2.60 triệu đồng

Bài Tỷ lệ học sinh ngủ đủ theo khuyến nghị Y tế (ít nhất 7.5 giờ) là:  
A. 43.75%  
B. 45.00%  
C. 46.88%  
D. 50.00%

Bài Công ty đặt mục tiêu 75% nhân viên đạt ít nhất x triệu đồng. Giá trị x tối đa là:  
A. 15.50 triệu đồng  
B. 16.25 triệu đồng  
C. 16.67 triệu đồng  
D. 17.20 triệu đồng

Bài Nếu tăng cường tập luyện 25%, số lần tập trung bình mới gần nhất với:  
A. 15.20 lần  
B. 15.50 lần  
C. 15.79 lần  
D. 16.25 lần